

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HẢI HÀ - KOTOBUKI

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Hợp đồng Liên doanh được ký ngày tháng năm 2009 giữa Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và Kotobuki Holding Co., Ltd;
- Các luật và quy định có liên quan khác của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Điều lệ này thông qua bởi các thành viên sáng lập ngày tháng năm 2009 tại Hà Nội.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. TÊN GỌI, TRỤ SỞ CỦA CÔNG TY

1.1 Tên Công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HẢI HÀ - KOTOBUKI**

Tên bằng tiếng nước ngoài: **HAI HA - KOTOBUKI COMPANY LIMITED**

Tên viết tắt: **HAI HA - KOTOBUKI CO., LTD**

1.2 Địa chỉ trụ sở chính: số 25 phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-8631764 Fax: 84-4-8632501

1.3 Công ty có thể thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch, đặt văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại các địa phương khác theo quyết định của Hội đồng Thành viên và phù hợp với quy định của pháp luật.

de *J. H*

1.4 Thời gian hoạt động là: Trên cơ sở kế thừa Nghị quyết Hội đồng quản trị ký ngày 25/08/2009 gia hạn liên doanh thêm 50 năm từ (2012 đến 2062) và mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh trên cơ sở tiếp tục Hợp đồng Liên doanh trước đây. Trong trường hợp cần thay đổi thời hạn, các thành viên phải thoả thuận bằng văn bản và báo cáo xin chuẩn ý của Cơ quan Cấp phép Đầu tư. Nếu các thành viên đồng ý mở rộng thời gian hoạt động của công ty, ít nhất sáu tháng trước khi thời gian này kết thúc, họ sẽ đệ trình đơn xin phép Cơ quan Cấp phép Đầu tư để được phép gia hạn. Trừ khi đồng ý tuyệt đối nếu không, tất cả các điều khoản trong Hợp đồng Liên doanh trước đây sẽ tiếp tục được áp dụng trong thời gian gia hạn.

ĐIỀU 2. HÌNH THỨC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HẢI HÀ - KOTOBUKI là Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên.

2.1 Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn cam kết góp vào doanh nghiệp;

2.2 Phần vốn góp của thành viên chỉ được chuyển nhượng theo quy định tại các điều 23, 24 và 25 của Điều lệ này.

2.3 Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2.4 Công ty không được quyền phát hành cổ phần.

2.5 Công ty là một tổ chức kinh tế hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, kinh doanh và chế biến hàng nông sản, thực phẩm, bánh kẹo; Kinh doanh xuất nhập khẩu và uỷ thác xuất nhập khẩu các loại vật tư sản xuất, máy móc thiết bị, hàng hoá tiêu dùng và các loại hàng hoá khác; Đại lý ký gửi hàng hoá; Kinh doanh vận tải, lữ hành; Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, cửa hàng, trung tâm thương mại, kho bãi; Đầu tư tài chính.

ĐIỀU 4. THÀNH VIÊN CÔNG TY

Công ty được thành lập bởi các thành viên sau:

4.1 Bên Việt Nam:

TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM

- Tên viết tắt: VINATABA

- Địa chỉ: 25A Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn kiếm, thành phố Hà nội
- Điện thoại: 84-4-38251381 - Fax: 84-4-38265777
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0106000602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/1995.
- Đại diện: Ông Nguyễn Thái Sinh, Tổng Giám đốc.
- Chứng minh nhân dân số: 020588309 do công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/08/1993.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 373/9 Nguyễn Trãi, Q1, TP Hồ Chí Minh.
- Quốc tịch: Việt Nam

(Dưới đây gọi là bên Việt Nam)

4.2. Bên nước ngoài:

KOTOBUKI HOLDING CO. LTD

- Địa chỉ: 1/9/1 đường KITANAGASA, quận CHUO, thành phố KOBE, tỉnh HYOGO, Nhật Bản.
- Điện thoại: 81-6-6437-4644 - Fax: 81-6-6438-3335
- Đại diện: Ông Toshio Hosoya, Chủ tịch
- Số Hộ chiếu :TG8027000
- Địa chỉ: 1-19-2 Kitatanagasa-dori, Chuo-ku, Kobe, Hyogo, Japan
- Quốc tịch: Nhật Bản

(Dưới đây gọi là Bên Nước ngoài)

ĐIỀU 5. VỐN

5.1 Tổng vốn đầu tư của Công ty trách nhiệm hữu hạn HẢI HÀ-KOTOBUKI là 5.308.100 USD (Năm triệu ba trăm linh tám ngàn một trăm Đô la Mỹ).

5.2 Vốn điều lệ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn HẢI HÀ-KOTOBUKI là 4.051.700 USD (Bốn triệu năm mươi một ngàn bảy trăm Đô la Mỹ).

5.3 Điểm khác biệt giữa vốn điều lệ và vốn đầu tư có thể đạt được do công ty thông qua tiền cho vay, vay mượn hay các hình thức tài chính khác từ các ngân hàng, các tổ chức tài chính hay các cá nhân khác.

5.4 Phần vốn góp và giá trị vốn góp của các thành viên:

- Bên Việt Nam đã góp 2.836.190 USD (Hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn một trăm chín mươi Đô la Mỹ) tương đương 70% (Bảy mươi phần trăm) vốn điều lệ

bằng tiền mặt, thiết bị, nhà xưởng và quyền sử dụng 5000m² đất trong 15 năm (tính từ ngày được cấp phép đầu tư).

- Bên nước ngoài đã góp 1.215.510 USD (Một triệu hai trăm mười lăm nghìn năm trăm mười Đô la Mỹ) tương đương 30% (Ba mươi phần trăm) vốn điều lệ bằng tiền mặt.

5.5 Vốn điều lệ có thể sẽ tăng lên hay giảm xuống tùy thuộc vào yêu cầu hoạt động kinh doanh của công ty và quyết định của các thành viên trong Hội đồng thành viên

5.6 Ngoại trừ những nghĩa vụ và bổn phận đóng góp vào Vốn Điều lệ đầy đủ cho công ty, mỗi thành viên sẽ không có nghĩa vụ cung cấp thêm bất kì nguồn tài chính nào cho công ty và sẽ không có trách nhiệm cho các nợ nần hay trách nhiệm của công ty (nếu như những vấn đề này không được đồng ý trên văn bản).

ĐIỀU 6. SỔ ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN

6.1 Khi góp đủ giá trị phần vốn góp, Thành viên được ghi vào sổ thành viên công ty;

6.2 Công ty lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký thành viên có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức;
- c) Giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn và phần vốn góp của từng thành viên; thời điểm góp vốn; loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn;
- d) Chữ ký của thành viên là cá nhân hoặc của người đại diện theo pháp luật của thành viên là tổ chức;
- đ) Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên.

6.3 Sổ đăng ký thành viên được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN CÔNG TY

7.1 Thành viên Công ty có quyền:

- a) Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
- b) Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp;

c) Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của công ty;

d) Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

đ) Được chia giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với phần vốn góp khi công ty giải thể hoặc phá sản;

e) Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi công ty tăng vốn điều lệ; được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp;

g) Khiếu nại hoặc khởi kiện Tổng giám đốc khi không thực hiện đúng nghĩa vụ, gây thiệt hại đến lợi ích của thành viên hoặc công ty theo quy định của pháp luật;

h) Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng, để thừa kế, tặng, cho và cách khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

i) Thành viên hoặc nhóm thành viên sở hữu trên 25% vốn điều lệ, trừ trường hợp quy định tại điểm k khoản 7.1 Điều này, có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên;

l) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7.2 Nghĩa vụ của thành viên Công ty:

a) Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty; không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các điều 23, 24, 25 và 27 của Điều lệ này.

b) Tuân thủ Điều lệ này.

c) Chấp hành quyết định của Hội đồng thành viên.

d) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi sau đây:

i. Vi phạm pháp luật;

ii. Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;

iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 8. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

8.1 Mỗi Thành viên sẽ có mặt trong Hội đồng thành viên và các Thành viên phải bổ nhiệm 5 người Đại diện ủy quyền thay mặt các thành viên “sau đây gọi tắt là (các) Đại diện ủy quyền” đại diện cho họ trong Hội đồng thành viên. Các thành viên sẽ bổ nhiệm Đại diện ủy quyền trong Hội đồng thành viên của Công ty như sau:

- Thành viên phía Việt Nam: 3 người
- Thành viên phía Nước ngoài: 2 người

Hội đồng thành viên có thể quyết định sự thay đổi số lượng các Đại diện ủy quyền trong Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên sẽ lựa ra Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên được chỉ định luân phiên giữa hai bên với nhiệm kỳ 4 năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên là người của bên Việt Nam trong nhiệm kỳ đầu tiên của HĐLD này. Mỗi bên thành viên có thể loại bỏ hoặc thay thế bất cứ Đại diện ủy quyền nào được bổ nhiệm trong Hội đồng thành viên vào bất cứ lúc nào. Mỗi Thành viên cũng có quyền được bổ nhiệm Đại diện ủy quyền khác để thay thế cho Đại diện ủy quyền (đang được bổ nhiệm) vì bất cứ lý do nào đó bị chấm dứt làm Đại diện ủy quyền. Việc loại bỏ, thay thế sẽ được thông báo cho thành viên khác không trễ hơn 60 ngày và không được ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Nhiệm kỳ của Đại diện ủy quyền sẽ là 4 năm. Bất cứ Đại diện ủy quyền nào cũng có thể được bổ nhiệm nhiệm kỳ kế tiếp nếu đại diện này được bổ nhiệm lại bởi Thành viên mà trước đây đã bổ nhiệm mình.

Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Hội đồng thành viên họp mỗi năm ít nhất 1 lần.

8.2 Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;

c) Quyết định phương thức đầu tư và dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty;

d) Thông qua giải pháp cho phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ, hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được công bố tại thời điểm gần nhất của Công ty để Giám đốc thực hiện;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; Thông qua để Công ty miễn nhiệm, cách chức các chức danh Trưởng, Phó Phòng, Ban và tương đương;

f) Quyết định mức lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác đối với Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Trưởng Chi nhánh, Văn phòng đại diện;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công ty theo qui định tại Điều lệ này và theo qui định của pháp luật;

h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

i) Quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện;

j) Quyết định tổ chức lại Công ty;

k) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

l) Quyết định kế hoạch lao động hàng năm, qui chế quản lý tài chính, qui chế trả lương, trả thưởng, qui chế thi đua khen thưởng của Công ty; quyết định kế hoạch tiền lương, đơn giá triển lương hàng năm của công ty;

m) Sử dụng bộ máy giúp việc của Công ty để tham mưu giúp việc cho Công ty mình;

n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Điều lệ này.

ĐIỀU 9. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

9.1 Việc chỉ định người đại diện theo uỷ quyền phải bằng văn bản, được thông báo đến công ty và cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày chỉ định. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

b) Tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền được chỉ định;

d) Thời hạn uỷ quyền;

đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của thành viên, của người đại diện theo uỷ quyền của thành viên.

9.2 Người đại diện theo uỷ quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty;

9.3 Người đại diện theo uỷ quyền nhân danh thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên theo quy định của Điều lệ này. Mọi hạn chế của thành viên đối với người đại diện theo uỷ quyền của mình trong việc thực hiện các quyền thành viên thông qua Hội đồng thành viên đều không có hiệu lực pháp lý đối với bên thứ ba.

9.4 Người đại diện theo uỷ quyền có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thành viên; đề nghị mỗi Đại diện uỷ quyền có thể chỉ định sự uỷ nhiệm tham gia và bỏ phiếu tại buổi họp của Hội đồng thành viên. Sự chỉ định uỷ nhiệm có thể trong sự tôn trọng của buổi họp của Hội đồng thành viên hay có thể là sự chỉ định mà có thể hiệu quả cho các buổi họp của Hội đồng thành viên được tiến hành trong các thời gian đặc biệt. Sự uỷ nhiệm có thể được chỉ định từ một trong các mỗi Đại diện uỷ quyền, người sẽ được cho quyền bỏ phiếu thêm cho mỗi Đại diện uỷ quyền của họ trong tôn trọng của những người mà ông/bà làm việc như sự uỷ quyền. Bất kì sự uỷ quyền nào được đại diện bởi sự uỷ quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của thành viên và công ty; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của thành viên và công ty.

9.5 Người đại diện theo uỷ quyền có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp được uỷ quyền.

ĐIỀU 10. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

10.1 Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc công ty.

10.2 Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc đề lấy ý kiến các thành viên;

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;

đ) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên;

10.3 Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là 4 năm.

10.4 Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán.

ĐIỀU 11. TRIỆU TẬP HỌP HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

11.1 Hội đồng thành viên được triệu tập họp bất cứ khi nào theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại điểm i khoản 7.1 Điều 7 của Điều lệ này. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của công ty.

Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức; họ, tên, chữ ký của thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền;

b) Tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;

c) Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d) Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của công ty chậm nhất một ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được đề trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp đồng ý.

11.2 Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất hai ngày làm việc trước ngày họp.

11.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại điểm i khoản 7.1 Điều 7 của Điều lệ này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên; trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc tổ chức và tiến hành họp Hội đồng thành viên; đồng thời, có quyền nhân danh mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện Chủ tịch Hội đồng thành viên về việc không thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của thành viên hoặc nhóm thành viên đó.

11.4 Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 11.3 Điều này phải bằng văn bản, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức; tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận vốn điều lệ của từng thành viên yêu cầu;

b) Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;

c) Dự kiến chương trình họp;

d) Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo uỷ quyền của họ.

11.5 Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 11.4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với công ty và thành viên có liên quan của công ty. Trong trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được công ty hoàn lại.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KIỆN VÀ THỂ THỨC HỌP HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

12.1 Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện 75% vốn điều lệ.

12.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 12.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện 75% vốn điều lệ;.

12.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 12.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.

12.4 Thành viên, người đại diện theo uỷ quyền của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên.

ĐIỀU 13. QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

13.1 Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- b) Quyết định phương hướng phát triển công ty;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc;
- d) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- đ) Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.

13.2 Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Được số phiếu đại diện 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận;
- b) Được số phiếu đại diện 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể công ty.

13.3 Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên đại diện 100% vốn điều lệ chấp thuận.

ĐIỀU 14. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

14.1 Các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi vào sổ biên bản của công ty.

14.2 Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
- b) Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo uỷ quyền dự họp; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện uỷ quyền của thành viên không dự họp;
- c) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;
- d) Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
- đ) Các quyết định được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của thành viên, người đại diện theo uỷ quyền dự họp.

ĐIỀU 15. THỦ TỤC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN THEO HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định được thực hiện theo quy định sau đây:

15.1 Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;

15.2 Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo quyết định và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, tỷ lệ phần vốn đại diện của thành viên Hội đồng thành viên;

c) Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

d) Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về công ty;

đ) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên.

Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, chính xác được thành viên gửi về công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ;

15.3 Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 14.2 Điều 14 của Điều lệ này.

ĐIỀU 16. BAN ĐIỀU HÀNH

16.1 Công ty có thể có 1 Tổng giám đốc, 2 Phó Tổng giám đốc và 1 Kế toán trưởng ("Ban điều hành")

16.2 Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng sẽ được bổ nhiệm bởi Hội đồng thành viên dựa vào điều khoản mà Hội đồng thành viên quyết định.

16.3 Tổng giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

16.4 Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - c) Quyết định đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị nhỏ hơn 30% tổng số giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất, bán tài sản của Công ty trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
 - d) Xây dựng và trình Hội đồng thành viên quyết định phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch lao động hàng năm, kế hoạch tiền lương, đơn giá tiền lương hàng năm; Xây dựng và trình Hội đồng thành viên quyết định ban hành qui chế chức năng nhiệm vụ các phòng, ban, qui chế tài chính, giá cả, qui chế tiền lương, qui chế thi đua khen thưởng của Công ty. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - e) Ban hành qui chế quản lý nội bộ Công ty, trừ các qui chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
 - f) Tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh, đảm bảo mức lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch lợi nhuận do Hội đồng thành viên đặt ra;
 - g) Đề nghị Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với chức danh Trưởng, phó Phòng, Ban và tương đương của Công ty sau khi thông qua Hội đồng thành viên; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý khác còn lại trong Công ty;
 - h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
 - i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên;
 - j) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - k) Ký các hợp đồng dưới tên Công ty, trừ các hợp đồng có liên quan đến quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thành viên.
 - l) Tuyển dụng lao động bao gồm: tuyển dụng các lao động phổ thông, các chức danh quản lý công ty và các chuyên gia trong và ngoài nước đến làm việc tại Công ty theo qui định của pháp luật, theo kế hoạch đã được Hội đồng thành viên thông qua;
 - m) Cử cán bộ công nhân viên trong Công ty đi nước ngoài học tập và làm việc, mời đối tác nước ngoài đến làm việc tại Công ty theo qui định của pháp luật sau khi đã thông qua Chủ tịch Hội đồng thành viên;
 - n) Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ này, Hợp đồng lao động mà Tổng giám đốc ký với công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên.
- 16.5 Phó tổng giám đốc thứ nhất sẽ giúp Tổng giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh mỗi ngày của công ty. Nếu tổng giám đốc không thể tham dự sự kiện gì đó thì có thể yêu cầu Phó tổng giám đốc thứ nhất làm đại diện. Trong trường hợp này, Phó tổng giám đốc sẽ là người đại diện cho công ty.

16.6 Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc sẽ có trách nhiệm đảm bảo thực thi tất cả các quyết định của Hội đồng thành viên, trừ khi các quyết định trên không phù hợp với các điều khoản trong điều lệ này, Hợp đồng liên doanh và pháp luật Việt Nam.

16.7 Sau khi được Hội đồng thành viên chấp thuận, Tổng giám đốc có thể giao lại quyền hành chung (hoặc đặc thù) cũng như các phần trách nhiệm cho Phó tổng giám đốc thứ nhất hoặc người khác, ngoại trừ trường hợp các quyền hành và trách nhiệm của Tổng giám đốc bị Hội đồng thành viên hủy bỏ. Như vậy mọi sự ủy quyền trong trường hợp trên sẽ tự động xem như bị hủy bỏ. Trong khi Tổng giám đốc vắng mặt hoặc không còn tư cách trước pháp luật thì Phó tổng giám đốc sẽ thực thi nhiệm vụ của Tổng giám đốc sau khi được Hội đồng thành viên thông qua.

16.8 Trong trường hợp có sự bất đồng hoặc khác biệt trong cách quản lý và kinh doanh giữa Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc, thì sự việc sẽ được đưa ra Hội đồng thành viên để giải quyết.

16.9 Kế toán trưởng phải quản lý tất cả các khoản tiền và cổ phiếu của công ty và thường xuyên cập nhật sổ sách. Kế toán trưởng phải thực hiện chi trả các khoản chi được ủy quyền và thuộc nghĩa vụ của công ty và đảm bảo rằng tất cả các giao dịch tài chính này phải được bảo lưu hồ sơ đầy đủ. Các hồ sơ như tài khoản giao dịch tài chính cũng như bản báo cáo tình hình tài chính công ty, sẽ thường xuyên được Hội đồng thành viên yêu cầu giao nộp khi cần thiết. Kế toán trưởng sẽ được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ đột suất trong phòng ban, hoặc sẽ làm việc trực tiếp với Hội đồng thành viên khi có yêu cầu.

ĐIỀU 17. NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC

17.1 Đại diện ủy quyền, Tổng giám đốc công ty có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty;
- b) Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;
- d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

17.2 Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

ĐIỀU 18. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

ĐIỀU 19. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CỦA ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN CỦA THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

19.1 Công ty trả thù lao, tiền lương và thưởng cho thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

19.2 Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

ĐIỀU 20. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Các giấy tờ giao dịch phải ghi rõ điều đó.

ĐIỀU 21. BAN KIỂM SOÁT, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Công ty có thể thành lập Ban Kiểm soát khi có nhu cầu.

ĐIỀU 22. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CHẤP THUẬN

22.1 Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:

- a) Thành viên, người đại diện theo uỷ quyền của thành viên, Tổng giám đốc;
- b) Người có liên quan của những người quy định tại điểm a khoản này;
- c) Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- d) Người có liên quan của người quy định tại điểm c khoản này.

Tổng giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên, đồng thời niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự đồng

ý của số thành viên đại diện 100% vốn điều lệ có quyền biểu quyết. Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

22.2 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết không đúng quy định tại khoản 22.1 Điều này. Tổng giám đốc, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó, nếu có.

ĐIỀU 23. MUA LẠI PHẦN VỐN GÓP ĐIỀU LỆ

23.1 Thành viên của Công ty được quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu thành viên đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên;

b) Tổ chức lại công ty;

Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến công ty trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua quyết định vấn đề quy định tại các điểm a, b khoản này.

23.2 Khi có yêu cầu của thành viên quy định tại khoản 23.1 Điều này, nếu không thỏa thuận được về giá thì công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

23.3 Nếu công ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 23.2 Điều này thì thành viên đó có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người khác không phải là thành viên.

ĐIỀU 24. CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP

Trừ trường hợp quy định tại khoản 25.6 Điều 25 của Điều lệ này, thành viên công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:

24.1 Phải chào bán phần vốn đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện;

24.2 Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày chào bán. Điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân không thuộc thành viên không được thuận lợi hơn so với điều kiện đã đặt ra cho bên kia của công ty. Việc chuyển nhượng nói trên chỉ có hiệu lực khi có sự nhất trí bằng văn bản của Hội đồng thành viên công ty và sau khi được Cơ quan Cấp phép Đầu tư chuẩn y.

ĐIỀU 25. XỬ LÝ PHẦN VỐN GÓP TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC

25.1 Trong trường hợp thành viên là cá nhân chết hoặc bị Toà án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của công ty.

25.2 Trong trường hợp có thành viên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong công ty được thực hiện thông qua người giám hộ.

25.3 Phần vốn góp của thành viên được công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Điều lệ này trong các trường hợp sau đây:

- a) Người thừa kế không muốn trở thành thành viên;
- b) Người được tặng, cho theo quy định tại khoản 25.5 Điều này không được Hội đồng thành viên chấp thuận làm thành viên;
- c) Thành viên là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản.

25.4 Trường hợp phần vốn góp của thành viên là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

25.5 Thành viên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác.

Trường hợp người được tặng cho là người có cùng huyết thống đến thế hệ thứ ba thì họ đương nhiên là thành viên của công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì họ chỉ trở thành thành viên của công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

25.6 Trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai cách sau đây:

- a) Trở thành thành viên của công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận;
- b) Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này.

CHƯƠNG III TÀI CHÍNH

ĐIỀU 26. THỰC HIỆN GÓP VỐN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN PHẦN VỐN GÓP

26.1 Thành viên phải góp vốn đầy đủ và đúng hạn bằng loại tài sản góp vốn như đã cam kết. Trường hợp thành viên thay đổi loại tài sản góp vốn đã cam kết thì phải

được sự nhất trí của các thành viên còn lại; công ty thông báo bằng văn bản nội dung thay đổi đó đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày chấp thuận sự thay đổi.

26.2 Trường hợp có thành viên không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi là nợ của thành viên đó đối với công ty; thành viên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết.

26.3 Sau khi đã quy định cho phần vốn góp trong vốn điều lệ lần trước mà vẫn có thành viên chưa góp đủ số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được xử lý theo một trong các cách sau đây:

- a) Một hoặc một số thành viên nhận góp đủ số vốn chưa góp;
- b) Huy động người khác cùng góp vốn vào công ty;
- c) Các thành viên còn lại góp đủ số vốn chưa góp theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty.

Sau khi số vốn còn lại được góp đủ theo quy định tại khoản này, thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty và công ty đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của Điều lệ này.

26.4 Tại thời điểm góp đủ giá trị phần vốn góp, thành viên được công ty cấp giấy chứng nhận phần vốn góp. Giấy chứng nhận phần vốn góp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- c) Vốn điều lệ của công ty;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên là tổ chức;
- đ) Phần vốn góp, giá trị vốn góp của thành viên;
- e) Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;
- g) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

26.5 Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thành viên được công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp.

ĐIỀU 27. TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

27.1 Theo quyết định của Hội đồng thành viên, công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:



- a) Tăng vốn góp của thành viên;
- b) Điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản tăng lên của công ty;
- c) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.

27.2 Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty. Thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ có thể không góp thêm vốn. Trong trường hợp này, số vốn góp thêm đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.

Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc tiếp nhận thêm thành viên phải được sự nhất trí của các thành viên.

27.3 Theo quyết định của Hội đồng thành viên, công ty có thể giảm vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:

- a) Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai năm, kể từ ngày đăng ký kinh doanh; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;
- b) Mua lại phần vốn góp theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này;
- c) Điều chỉnh giảm mức vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản giảm xuống của công ty.

ĐIỀU 28. QUYẾT TOÁN VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

28.1 Công ty chia lợi nhuận cho các thành viên khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

28.2 Sau khi đã thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật, Hội đồng thành viên sẽ quyết định việc phân chia lợi nhuận cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp. Các khoản lỗ trong kinh doanh cũng sẽ được chia sẻ cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp nhưng chỉ giới hạn trong phần vốn góp tích lũy của Công ty

28.3 Nếu như Công ty chuyển lỗ từ năm trước sang thì lợi nhuận của năm hiện tại trước hết sẽ được dùng để trang trải phần lỗ đó. Theo nghị quyết của Hội đồng, các khoản lợi nhuận được Công ty giữ lại do được chuyển từ các năm trước qua có thể được phân chia cùng với các khoản lợi nhuận có thể chia của năm hiện tại.

ĐIỀU 29. THU HỒI PHẦN VỐN GÓP ĐÃ HOÀN TRẢ HOẶC LỢI NHUẬN ĐÃ CHIA

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ trái với quy định tại khoản 27.3 và khoản 27.4 Điều 27 của Điều lệ này hoặc chia lợi nhuận cho thành viên trái với quy định tại khoản 28.1 Điều 28 của Điều lệ này thì các thành viên phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty cho đến khi các thành viên đã hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận tương đương với phần vốn đã giảm hoặc lợi nhuận đã chia.

CHƯƠNG IV

GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN

ĐIỀU 30. GIẢI THỂ

30.1 Công ty sẽ giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn.
- b) Theo quyết định của Hội đồng thành viên.
- c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 6 tháng liên tục.
- d) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

30.2 Công ty chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

ĐIỀU 31. THỦ TỤC GIẢI THỂ, THANH LÝ TÀI SẢN

Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

31.1 Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Lý do giải thể;
- c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không vượt quá sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
- d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- e) Họ, tên, chữ ký của Tổng giám đốc công ty.

31.2 Sau 7 ngày làm việc, nghị quyết về việc giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả đối tượng cho vay, cá nhân có liên quan đến quyền lợi,

nghĩa vụ hoặc các lợi ích, người lao động trong Công ty và sẽ được công bố công khai tại trụ sở chính của Công ty. Nghị quyết về việc giải thể được gửi đến đối tượng cho vay phải kèm theo thông báo về sự thanh toán các khoản nợ. Thông báo phải bao gồm tên và địa chỉ của đối tượng cho vay; tổng số nợ, giới hạn thời gian để giải quyết các khiếu nại của đối tượng cho vay

31.3 Hội đồng thành viên trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công ty.

31.4 Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về các thành viên công ty và sẽ được chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn ban đầu. Trong trường hợp giá trị tài sản vượt quá vốn điều lệ thì chênh lệch đó được coi là lợi nhuận của công ty và được tính chung vào lợi tức chịu thuế.

31.5 Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, Tổng giám đốc công ty gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

31.6 Trường hợp Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty giải thể trong thời hạn sáu tháng. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 32 PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG V

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN

ĐIỀU 33. TRANH CHẤP

Các tranh chấp giữa các Thành viên liên doanh phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng trước hết phải được giải quyết bằng thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp tranh chấp không được giải quyết, tranh chấp sẽ được chuyển đến và giải quyết chung thẩm bởi sự phân xử tại Singapore trước trọng tài riêng lẻ theo các quy định của Tổ chức trọng tài Singapore quốc tế (“SIAC”). Để đưa đến quyết định, trung tâm trọng tài (“Trung tâm trọng tài”) trước tiên sẽ áp dụng các điều khoản của Hợp đồng và Điều lệ này, và áp dụng các Luật Việt Nam. Ngôn ngữ được sử dụng trong việc phân xử sẽ là

tiếng Anh. Quyết định, phán quyết của quan tòa của Trung tâm trọng tài sẽ là cuối cùng và ràng buộc cho các Thành viên trong việc phân xử.

Trong khi việc tranh chấp đang diễn ra, các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng và Điều lệ này sẽ tiếp tục ràng buộc các Thành viên và các Thành viên phải tiếp tục thực thi Hợp đồng và Điều lệ này.

Các thành viên đồng ý thêm rằng điều khoản phân xử ở đây là độc lập. Trong việc ký Hợp đồng, điều khoản phân xử này sẽ trở nên có hiệu lực và sẽ tiếp tục có hiệu lực mặc dù tất cả hoặc 1 phần nào đó của Hợp đồng này được xác định là vô hiệu lực và không thể thi hành được.”

Các tranh chấp giữa công ty và các tổ chức có tư cách pháp nhân Việt Nam khác hoặc các công dân Việt Nam được giải quyết tại Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế Việt Nam.

ĐIỀU 34. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung theo nghị quyết của Hội đồng thành viên.

ĐIỀU 35.

Nếu bất cứ điều khoản trong Điều lệ này bị quy cho là vi phạm đến bất kỳ luật, sắc lệnh, nghị định hoặc điều lệ đang được áp dụng thì sẽ được loại bỏ khỏi Điều lệ. Điều lệ này sẽ vẫn có tác dụng hoàn toàn và có ảnh hưởng như điều khoản ban đầu trong văn kiện. Mặc dù như trên, các Thành viên sẽ trao đổi một cách thiện chí để đồng ý về các điều khoản của sự chấp thuận và hài lòng lẫn nhau trong việc đưa ra các điều khoản bị loại bỏ.

ĐIỀU 36. HIỆU LỰC

36.1 Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

36.2 Điều lệ này được lập thành 5 chương 36 điều bằng tiếng Việt và tiếng Anh, được ký bởi tất cả các thành viên. Mỗi thứ tiếng gồm 07 bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự hiểu sai giữa các văn bản thì bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở để giải quyết. Mỗi bên giữ 1 bản mỗi thứ tiếng, 1 bản lưu tại văn phòng công ty và số bản còn lại sẽ được dùng để đăng ký với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

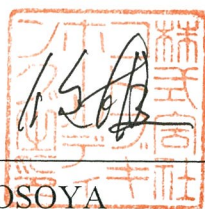
**CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM**



Bởi: Ông NGUYỄN THÁI SINH
Chức vụ: Tổng giám đốc

KOTOBUKI HOLDING CO., LTD.

手塚



Bởi: Ông TOSHIO HOSOYA
Chức vụ: Chủ tịch